

Số: **14** /TB-CCTT&BVTV

Vĩnh Phúc, ngày **08** tháng 4 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY**  
(Từ ngày 01/04 đến ngày 07/04/2020)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Trong tuần trời lạnh, ít nắng, mưa rào rải rác. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 216 mm (cao hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 20,8<sup>0</sup>C (thấp hơn CKNT), cao nhất 26<sup>0</sup>C, thấp nhất 17<sup>0</sup>C.

Ẩm độ trung bình 85 - 90% (cao hơn CKNT).

Số giờ nắng đạt 2 - 5 giờ (thấp hơn CKNT).

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

Diện tích gieo trồng vụ Xuân 2020 đến nay ước đạt 37.912,7 ha:

- Lúa xuân:

+ Lúa gieo thẳng: 541,0 ha.

+ Lúa Xuân sớm: 3.005,3 ha (đòng già - trổ - chắc xanh);

+ Lúa Xuân muộn 26.802,8 ha (làm đòng - trổ).

- Ngô: 2.081,9 ha (PTTL - xoáy nõn);

- Đậu tương: 59 ha (PTTL);

- Lạc: 1.583,2 ha (PTTL - đâm tia);

- Khoai lang: 272 ha (PTTL)

- Rau các loại: 2.256,1 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.852,4 ha (các giai đoạn).

Trong tuần trời lạnh, có mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Một số đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại nhẹ - trung bình.

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA**

Trưởng thành vào bầy đên (con/đên/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,04 con (xấp xỉ kỳ trước), nơi cao 1 con (Vĩnh Tường, Sông Lô, Lập Thạch); Sâu đục thân cú mèo 0,06 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Dương); Rầy nâu 1,06 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 10 con (Bình Xuyên); Rầy lưng trắng 0,51 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 5 con (Sông Lô); Rầy xanh đuôi đen 0,18 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,35 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Lập Thạch).

## 1. Trên lúa

### - Trên lúa Xuân sớm

+ Bệnh đạo ôn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 3 - 5% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc).

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 4, 5) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 0,7%, cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Yên Lạc,...).

+ Sâu cuốn lá nhỏ (tuổi 4, 5) gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,1 - 0,2 con/m<sup>2</sup>, cao 1 - 2 con/m<sup>2</sup> (Sông Lô).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi cám, 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 20 - 40 con/m<sup>2</sup>, cao 300 - 500 con/m<sup>2</sup>, cục bộ > 1.000 con/m<sup>2</sup> (Lập Thạch, Bình Xuyên, Sông Lô,...).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 20% (Sông Lô, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Bình Xuyên...).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 20% (Bình Xuyên).

+ Chuột gây hại diện tích lúa ven đầm, gần đường đi, nơi khô nước, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 3 - 5%, cục bộ > 5% (Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Sông Lô,...).

### - Trên lúa Xuân muộn

+ Chuột gây hại nhẹ - trung bình, nặng cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 2 - 3%, cao 5 - 8%, cục bộ > 10% (Yên Lạc, Tam Dương, Bình Xuyên, Phúc Yên).

+ Ruồi đục lá gây hại cục bộ một số diện tích cấy muộn, tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 4 - 5%, cục bộ 10% (Bình Xuyên).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Tam Dương, Phúc Yên, Vĩnh Yên,...).

+ Bệnh khô vằn gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 2 - 3%, nơi cao 10%, cục bộ > 20% (Tam Dương, Vĩnh Tường, Sông Lô,...).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Tam Dương, Tam Đảo, Yên Lạc,...).

Ngoài ra: Châu chấu, sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác.

## 2. Trên cây rau, màu

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,3 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 3 con/m<sup>2</sup> (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây dưa chuột: Bệnh sương mai, héo xanh gây hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,1 - 0,3%, cao 1 - 3% (Tam Dương).

### 3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, nhện lông nhung gây hại rải rác, tỷ lệ cành lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 13% (Sông Lô). Ngoài ra bọ xịt, bệnh thán thư, nhện gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

## III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 08/04 - 14/04

### 1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, chuột tiếp tục phát sinh gây hại; rầy, bệnh khô vằn gây hại diện hẹp. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều, độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng trừ kịp thời. Chú ý theo dõi bệnh đạo ôn phát sinh gây hại vùng chiêm trũng trên các giống lúa NX30, Xi23, X21, J02, nếp ... phát hiện sớm, kịp thời tổ chức phòng trừ bằng thuốc đặc hiệu.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, ruồi đục lá, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn... hại rải rác. Chú ý bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời.

2. Cây ngô: Chú ý theo dõi sâu keo mùa thu phát sinh gây hại để có biện pháp phòng chống kịp thời.

### 3. Cây rau

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, bệnh sương mai gia tăng gây hại.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gia tăng gây hại cục bộ.

### 4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

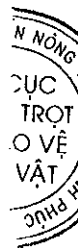
- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

## IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

### 1. Đề nghị

- Trong giai đoạn lúa đứng cái - làm đòng - trở cần duy trì mực nước 2 - 3 cm để đảm bảo sinh trưởng của cây lúa.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp



phòng chống kịp thời (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, chuột,... hại lúa).

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố chủ động tổ chức tổng điều tra bổ sung, ra thông báo cao điểm sâu bệnh hại trong tháng 4, tháng 5; phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) để chỉ đạo phòng trừ kịp thời, an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

## 2. Biện pháp quản lý

- Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 5% lá hại; 2,5% bông hại dùng: Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325SC, Fuji-One 40EC,... Những ruộng bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày. Giữ mực nước trên ruộng từ 3 - 5cm, ngừng bón các loại phân cho đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

- Đối với diện tích lúa rầy hại, khi mật độ trên 750 con/m<sup>2</sup>: Dùng thuốc Midan 10WP, Actara 25WG, Chess 50WG, Sutin 5EC...

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Khi phun thuốc cần thực hiện theo nguyên tắc “4 đúng” và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại trên đồng ruộng.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thủ công bắt sâu non, vọt bướm, ngắt ổ trứng, sử dụng các loại bẫy bắt chuột; bẫy dính, bẫy màu vàng, bả chua ngọt để tiêu diệt trưởng thành một số loại sâu hại./.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 01/04 - 07/04/2020), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

### Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

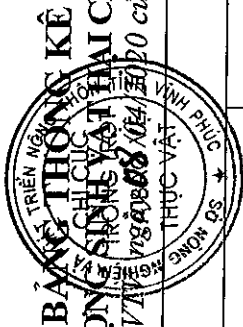
05/4/20

### CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bá Tuệ

**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 01/04 - 07/04/2020**  
(Kèm theo Thông báo số 17/TB-CCIT&BVN/SGN ngày 04/04/2020 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)



Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại						Diện tích nhiễm (ha)						DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr	TB	Nặng	Mtr			
Lúa xuân sớm	Đòng già - trổ - chác xanh	Chuột	%DH	2,9	5,1			28	21	7					-269,1	250	Rải rác
		Đạo ôn	%LH	10				0,5	0,5						-		Cục bộ
		Rầy	Con/m <sup>2</sup>	917	2.500			34,3	33,5	0,8					+12,3	4	Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	10	23			50	45	5					-20,5	15	Rải rác
		Bệnh bạc lá	%LH	10	22			5	4,5	0,5					+5	2	Cục bộ
Lúa xuân muộn	Làm đòng - trổ	Chuột	%DH	4,1	8,7	15,8		300,3	249	48	3,3			-199,7	3225	Rải rác	
		Ruồi đục lá	%DH	10				3	3					+10	2	Cục bộ	
		Khô vằn	%DH	10,7	21,5			315	245	70				+114	202	Rải rác	
		Bệnh đạo ôn	%LH	10				0,1	0,1					-9,4		Cục bộ	
		Bệnh bạc lá	%LH	10	21	41		8,5	6	1,5	1			+8,5		Cục bộ	
Cây ngô	PTTL - xoáy nõn	Sâu keo mùa thu	Con/m <sup>2</sup>	2				1	1				+1		Cục bộ		
Cây ăn quả	Ra lộc - ra hoa	Sương mai	%LH	12,5				10	10					-		Cục bộ	
		Nhiện lung nhưng	%CH	12,5				10	10					-		Cục bộ	
		<b>Tổng</b>					<b>765,7</b>	<b>628,6</b>	<b>132,8</b>	<b>4,3</b>					<b>3.706</b>		

**Ghi chú:** GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Nặng: Mất trắng; Mtr: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dành hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

**Cán bộ tổng hợp:** KS. Đặng Thị Lương.